

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 11 - 3 - 2021

Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Phú Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Hải và bà Phan Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch: Không tham gia.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2020/TLST – HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2020, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 22/02/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Hoàng Trọng H, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn 5, TT H, huyện B, tỉnh Quảng Bình (có mặt).

- Bị đơn: chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn 5, TT H, huyện B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 04/12/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đã được bổ sung tại bản tự khai, anh Hoàng Trọng H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau vào ngày 01/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là TT H), huyện B, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 10/2019 chị H bỏ nhà ra đi và về nhà bố, mẹ chị H để sinh sống, vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay, nguyên nhân cuộc sống vợ chồng ngày càng bộc lộ nhiều bất đồng trong quan điểm, công việc nên thường xuyên xảy ra cãi vã, không thể hàn gắn được. Mặt khác trước đó đã hai lần một trong hai người đã khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn (một lần anh là nguyên đơn, một lần chị H là nguyên đơn), lần đầu anh là nguyên đơn, nhưng sau đó suy nghĩ lại muốn khắc phục mâu thuẫn để xây dựng hạnh phúc nên anh đã rút đơn và Tòa án đã đình chỉ việc giải quyết vụ án, lần thứ hai chị H là nguyên đơn nhưng chị H đưa ra lý do mâu thuẫn không chính đáng nên Tòa án đã xử không chấp nhận đơn khởi kiện của chị H. Tuy nhiên cuộc sống vẫn không thể hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng lớn, cuộc sống hôn nhân rơi vào tình trạng bế tắc. Nay xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không hạnh phúc và không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Phía bị đơn có đơn trình bày gửi Tòa án với nội dung: Quá trình tìm hiểu, kết hôn, thời gian chung sống, diễn biến tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn... như anh H đã trình bày. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đồng ý giải quyết ly hôn theo yêu cầu của anh H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát không tham gia (Thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa có mặt anh H, riêng chị H vắng mặt tuy nhiên đã có đơn xin xét xử vắng mặt đúng quy định. Do đó căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Thị H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống theo các bên đương sự trình bày cuộc sống hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng ly thân nhau từ cuối năm 2019 vì do mâu thuẫn quá lớn, âm ỉ kéo dài không thể khắc phục để dung hoà được, đặc biệt trước đó đã hai lần một trong hai người đã khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn (một lần anh là nguyên đơn, một lần chị H là nguyên đơn) như đã nêu trên, chứng tỏ cuộc sống hôn nhân giữa anh H và chị H không hạnh phúc, không thể khắc phục mâu thuẫn để cải thiện cuộc sống gia đình được nữa. Nay anh H tiếp tục làm đơn xin ly hôn chị H, Hội đồng xét xử thấy hôn nhân giữa hai người không tồn tại trên thực tế, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó nghĩ cần xử cho anh H được ly hôn chị H là có căn cứ.

[2.2] Về quan hệ con cái: Vợ chồng anh H, chị H không có con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Vợ chồng anh H, chị H không có tài sản chung.

[3] Về án phí vụ kiện: Anh H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Trọng H được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Vợ chồng anh H, chị H không có con chung.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng anh H, chị H không có tài sản chung.

4. *Về án phí*: Anh Hoàng Trọng H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000485 ngày 22/10/2020, anh H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho họ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Phú Quảng

